

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-PT
Ngày: 03-7-2023

*V/v Tranh chấp hợp chuyển
nhượng quyền sử dụng đất; hợp
đồng vay tài sản; yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp
Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh
Ông Lê Quang Ninh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 26 tháng 6 và 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 71/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng vay tài sản; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2023/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1980; cùng cư trú tại: Thôn 5, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phạm Cao K, sinh năm 1981; cư trú tại: Khu phố 3, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước, theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2022, (có mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc Ph, sinh năm 1973 và bà Thiều Thị P, sinh năm 1979; cùng cư trú tại: Thôn 7, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước; nơi tạm trú (có đăng ký) hiện tại của bà P: Ấp 2, xã TT, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P có mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: ông Lê Hồng P1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Khu phố PC, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước, theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2021 (có mặt).

* Người kháng cáo: bị đơn Ông Đỗ Ngọc Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Ngọc Đ, bà Lê Thị Kim D và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Cao K thống nhất trình bày:

Vào ngày 06/02/2013 âm lịch, vợ chồng ông bà có nhận sang nhượng thửa đất rẫy trồng điều tại thôn 5, xã LT, huyện PR, diện tích khoảng 03 ha, giá 800.000.000 đồng của vợ chồng ông Đỗ Ngọc Ph, bà Thiệu Thị P. Khi sang nhượng các bên có viết giấy tay với nhau. Giấy sang nhượng đất do chính bà P viết, không có công chứng, chứng thực. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Vợ chồng ông bà đã trả hết tiền cho ông Ph, bà P, đã nhận đất sử dụng ổn định liên tục đến nay không tranh chấp với ai. Quá trình sử dụng ông bà đã cắt cây điều và trồng thay thế bằng cây cao su. Hiện cao su sắp đến thời kỳ khai thác mủ. Vào khoảng cuối năm 2020, vợ chồng ông bà phát hiện bà P đi làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nên vợ chồng bà đã ngăn cản và đưa ra chính quyền địa Ph giải quyết. Tuy nhiên, sự việc hai bên không thống nhất được.

Nay vợ chồng ông bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu: Công nhận hợp đồng sang nhượng đất giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông Ph là hợp pháp; buộc vợ chồng ông Ph, bà P phải sang nhượng diện tích đất tranh cho vợ chồng ông; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông bà không đồng ý với lý do: số tiền 800.000.000 đồng là tiền sang nhượng đất chứ không phải tiền vay nên không đồng ý nhận lại số tiền vay và tiền lãi như bên bị đơn yêu cầu; không đồng ý việc bồi thường hoa lợi thu điều và bồi thường thiệt hại số cây điều bị cắt bỏ.

Bị đơn ông Đỗ Ngọc Ph, bà Thiệu Thị P và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Hồng P1 thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất có ký giấy sang nhượng đất như ông Đ, bà D trình bày. Việc giao kết xuất phát từ việc vợ chồng ông bà nhờ ông Đ, bà D vay số tiền 800.000.000 đồng (được biết số tiền 800.000.000 đồng vợ chồng chú thím mượn của ông HD hiện ở thôn 7, xã LT) để lấy vốn làm ăn. Sau khi ông bà nhận được số tiền này từ ông Đ, bà D để làm tin ông bà có viết một cái giấy với tiêu đề “giấy sang nhượng đất”. Bà P là người viết giấy tại nhà ông (Đỗ Ngọc L) là cha

ruột của ông Đ, ông Ph. Trong giấy này có ghi vào ngày 06/2/2013 vợ chồng ông bà phải trả số tiền này để lấy lại 03 ha đất. Tuy nhiên, đến thời hạn thỏa thuận thì ông bà chưa trả được số tiền 800.000.000 đồng ông Đ, bà D. Việc vay mượn số tiền 800.000.000 đồng giữa vợ chồng ông Đ với ông HĐ thì ông bà không tham gia. Nhưng do nhờ vay giùm nên có một lần vợ chồng bà đến đóng lãi cho ông HĐ với số tiền hơn 30 triệu đồng. Thực tế, giấy bà P viết chỉ là giấy làm tin cho khoản nợ chứ không phải mua bán chuyển nhượng gì 03 ha đất như bên nguyên đơn trình bày. Nay ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu phản tố: buộc vợ chồng ông Đ, bà D phải nhận lại số tiền vay 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định; Buộc vợ chồng ông Đ, bà D phải trả lại số tiền nhận thu hoa lợi từ cây điều, bồi thường thiệt hại số cây điều bị vợ chồng ông Đ, bà D cắt bỏ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước quyết định:

Áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 129; 454 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 462 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Án lệ số 55/2022/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao công bố ngày 14/10/2022;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D, ông Đỗ Ngọc Đ.

Công nhận “Giấy sang nhượng đất” giữa vợ chồng bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ với vợ chồng bà Thiều Thị P, ông Đỗ Ngọc Ph đối với diện tích đất 03 ha (đo vẽ thực tế 29.874,8m²), tọa lạc tại thôn 4, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước là hợp pháp.

Công nhận vợ chồng bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu đối với diện tích đất 03 ha (đo vẽ thực tế 29.874,8m²) cùng toàn bộ tài sản trên đất, tọa lạc tại thôn 4, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước (có sơ đồ đo vẽ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện PR kèm theo).

Bà D, ông Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền nhà nước để liên hệ đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật đất đai.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn vợ chồng Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ phải nhận lại số tiền vay tài sản và lãi suất 1.466.000.000 đồng; yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại về tài sản 719.040.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/3/2023 bị đơn Đỗ Ngọc Ph có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Ngọc Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, ông Đỗ Ngọc Đ và ông Đỗ Ngọc Ph là anh em ruột. Vào cuối năm 2012, đầu năm 2013 (âm lịch), giữa vợ chồng bà P ông Ph với vợ chồng bà D ông Đ có lập với nhau một văn bản với tiêu đề “giấy sang nhượng đất”, có nội dung vợ chồng bà P có sang nhượng cho vợ chồng ông Đ, bà D diện tích đất 03ha, số tiền 800.000.000 đồng; đến ngày 06/02/2013 (âm lịch) vợ chồng bà P không trả tiền thì 03 ha đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Đ, bà D.

[2] Trong “giấy sang nhượng đất” các bên đã ký kết không thể hiện việc chuyển nhượng đối với diện tích đất nào nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà P thừa nhận bà là người viết giấy sang nhượng đất, diện tích đất các bên nêu trong “giấy sang nhượng đất” chính là thửa đất số 00, tờ bản

đồ số 00, diện tích đất 29.874,8m², tại thôn 4, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước ông Đ bà D đang quản lý, sử dụng.

[3] Theo lời khai của chính cha của ông Đ và ông Ph là ông Đỗ Ngọc L và chị dâu của 2 ông là bà Nguyễn Thị H xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cụ thể, khoảng cuối năm 2012 đầu 2013, tại nhà ông L, ông L và bà H có chứng kiến việc bị đơn và nguyên đơn có ký kết việc mua bán 01 thửa đất 03ha với giá 800.000.000 đồng. Bị đơn bà P là người viết giấy bán đất cho nguyên đơn. Bà P, ông Ph cũng thừa nhận, sau khi ký “giấy sang nhượng đất” thì ông Đ, bà D đã quản lý sử dụng thửa đất này liên tục đến nay. Các đương sự thừa nhận toàn bộ tài sản trên đất gồm cây cao su trồng năm 2019 và nhà tạm trên đất theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện PR đều do ông Đ bà D tạo dựng. Hai bên có thỏa thuận đến ngày 06/02/2013 (AL) ông Ph bà P trả lại số tiền chuyển nhượng 800.000.000 đồng thì hai bên hủy bỏ hợp đồng nhưng đến nay ông Ph bà P vẫn chưa trả cho ông Đ bà D số tiền này nên có căn cứ xác định các bên đã thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng. Quá trình sử dụng đất, vào năm 2019 ông Đ, bà D đã cưa toàn bộ cây điều cũ, trồng lại toàn bộ cây cao su nhưng các bên không có tranh chấp gì. Hơn nữa, phía nguyên đơn và bị đơn cũng thừa nhận số tiền 800.000.000 đồng bị đơn đã nhận của nguyên đơn là tương đương với giá trị của 03 ha đất vào thời điểm các bên lập hợp đồng. Vì vậy, có cơ sở xác định giao dịch nêu trên giữa ông Đ bà D với ông Ph bà P là thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[4] Ông Ph, bà P cho rằng việc viết giấy sang nhượng này chỉ là làm tin và che giấu hợp đồng vay tài sản. Do không thể tự mình đứng lên vay tiền được nên ông, bà có nhờ ông Đ, bà D đứng ra vay giùm số tiền 800.000.000 đồng để lấy vốn kinh doanh. Để chứng minh việc vay giùm, bên bà P có 01 lần đóng lãi cho ông HĐ hơn 30.000.000 đồng. Đối với số tiền này ông Đ, bà D là người trực tiếp vay của ông HĐ. Nội dung này phía ông Ph, bà P và ông Đ, bà D cũng như ông HĐ đều thừa nhận. Do các bên có thỏa thuận thời gian chuộc đất nên tháng đầu bà P có đóng tiền lãi cho ông HĐ. Điều này cũng là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên. Thực tế, bên bà P chỉ đóng được một lần lãi cho ông HĐ, sau đó toàn bộ khoản nợ này đều do vợ chồng ông Đ, bà D thanh toán hết. Do đó, đây không phải là căn cứ để xác định số tiền 800.000.000 đồng ông Đ bà D giao cho ông Ph, bà P là tiền vay.

[5] Về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Ph bà P với ông Đ bà D: Sau khi giao kết hợp đồng, ông Ph bà P đã tự nguyện giao đất cho ông Đ bà D và quyền sử dụng đất đã thuộc về ông Đ, bà D, ông Đ bà D có quyền canh

tác, sử dụng đất trong đó có quyền thay đổi cơ cấu cây trồng nên yêu cầu của ông Ph bà P không được chấp nhận.

[6] Tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng, diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước “Ban hành quy định về chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước” ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 17/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; theo trả lời của Ủy ban nhân dân huyện PR tại Công văn số 1916/UBND – NC ngày 21/12/2021, tờ trình số 2032/TTr-TNMT ngày 15/12/2020 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện PR thì thửa đất này là đất tách khỏi lâm phần sau quy hoạch 3 loại rừng, đã được giao về địa phương quản lý, thuộc trường hợp được xem xét công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận quyền sử dụng đất thuộc về ông Đ bà D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách về đất đai tại địa phương.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đỗ Ngọc Ph, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS -ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Ngọc Ph.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các các điều 129, 454 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 462 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 02/2004/NG- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D, ông Đỗ Ngọc Đ.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là bà Thiều Thị P và ông Đỗ Ngọc Ph với bên nhận chuyển nhượng là bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ đối với diện tích đất 03 ha (diện tích thực tế 29.874,8m²), nay là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc tại thôn 4, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước, theo “giấy chuyển nhượng đất”, được xác lập ngày 17/3/2013 (tức ngày 06/02/năm Quý Tỵ) có hiệu lực.

Bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất nêu trên, theo mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện PR đo đạc và xác nhận ngày 26/8/2022 kèm theo Bản án này.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận hợp đồng vay tài sản và buộc nguyên đơn bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ phải nhận lại số tiền 800.000.000 đồng đã cho bà Thiều Thị P và ông Đỗ Ngọc Ph vay và tiền lãi là 666.000.000 đồng, tổng cộng là 1.466.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại về tài sản 719.040.000 đồng.

3. Bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định tại Bản án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thiều Thị P và ông Đỗ Ngọc Ph phải chịu 76.300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.857.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0015752 ngày 24/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR. Số tiền bà P và ông Ph còn phải nộp 37.443.000 (ba mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0012245 ngày 01/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR.

5. Chi phí tố tụng:

Buộc bà Thiều Thị P và ông Đỗ Ngọc Ph hoàn trả cho bà Lê Thị Kim D và ông Đỗ Ngọc Đ tiền xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, đo đạc là 20.993.000 (hai mươi triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Đỗ Ngọc Ph phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ph đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016072 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR.

7. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện PR;
- TAND huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Hiệp